TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 350/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11/8/2023
V/v tranh chấp: *"Ly hôn"*.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Duy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lê Thị Kim Nhung.
2. Ông Trương Văn Hơn.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Tuyền- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 197/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023, về việc tranh chấp:*"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 215/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 227/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Anh T, sinh năm 1993 *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*
Địa chỉ: Số A, phường X, thành phố T, tỉnh L.
2. Bị đơn: Chị Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1994 *(vắng mặt)*.
Địa chỉ: Ấp Đ, xã K, huyện G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Anh T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị C tiến đến hôn nhân từ trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường 1, thành phố Tân An, tỉnh Long An vào cùng năm. Quá trình chung sống hạnh phúc đến tháng 12 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng thường xuyên cãi nhau về vấn đề kinh tế gia đình, mâu thuẫn trong cuộc sống hàng ngày do tính tình không hợp nên từ thời điểm tháng 12/2018 thì chị C đã đi về nhà

cha mẹ ruột tại ấp Ấp Đ, xã K, huyện G, tỉnh T sinh sống cho đến nay và kể từ đó anh chị cũng không có trao đổi hàn gắn tình cảm. Nay tình cảm không còn anh yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Ngọc C.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Trần Thành T1, sinh ngày 21/12/2015 và Trần Ngọc T2, sinh ngày 12/11/2018. Hiện nay, cháu T1 đang sống với anh, cháu T2 đang sống với chị C. Ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T1 và giao chị C tiếp tục nuôi dưỡng cháu T2. Anh và chị C không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh chị không có.

- Về nợ chung: Anh chị không có.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Ngọc C vắng mặt không lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn dù đã được Tòa án triệu tập và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.*

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Anh T, cho anh T được ly hôn với chị Nguyễn Ngọc C.

Về con chung: Giao con chung tên Trần Thành T1, sinh ngày 21/12/2015 cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng và con chung tên Trần Ngọc T2, sinh ngày 12/11/2018 cho chị C được tiếp tục nuôi dưỡng, anh T và chị C không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp *"Ly hôn"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Nguyễn Ngọc C vắng mặt không lý do dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị C tham gia phiên tòa lần thứ hai, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông không có ý kiến về việc vắng mặt nguyên đơn anh Trần Anh T, bị đơn chị

Nguyễn Ngọc C và đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị C kết hôn vào năm 2015 hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 1, thành phố Tân An, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35/2015, quyển số 01/2015 ngày 16/6/2015 nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của anh T, căn cứ vào lời khai của anh T và kết quả xác minh tại địa phương, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hôn nhân của vợ chồng anh đã phát sinh mâu thuẫn tháng 12 năm 2018, nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên cãi nhau về vấn đề kinh tế gia đình, mâu thuẫn trong cuộc sống hàng ngày do tính tình không hợp cũng từ thời điểm tháng 12/2018 thì chị C đã đi về nhà cha mẹ ruột tại ấp Xóm Đình, xã Kiểng Phước, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang sinh sống cho đến nay và kể từ đó anh chị cũng không có trao đổi hàn gắn tình cảm. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, chị C không đến Tòa án, không phản đối yêu cầu ly hôn của anh T nên căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự xem như chị C mặc nhiên thừa nhận vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn như anh T trình bày, nay chị C không muốn hàn gắn tình cảm và cũng không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Từ những tình tiết nêu trên, có đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu của anh T, cho anh T được ly hôn với chị C là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh T và chị C có 02 con chung tên Trần Thành T1, sinh ngày 21/12/2015 và Trần Ngọc T2, sinh ngày 12/11/2018. Xét thấy, hiện nay cháu T1 đang sống với anh T và theo biên bản lấy lời khai ngày 19/6/2023 thì cháu T1 có nguyện vọng được tiếp tục sống với anh T. Chị C không đến tham gia phiên tòa cũng không có văn bản trình bày ý kiến về việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1 chứng tỏ chị C không quan tâm, chăm sóc cháu T1. Đối với cháu T2, hiện nay đang sống với chị C, ly hôn anh T giao chị tiếp tục nuôi dưỡng. Chị C không đến tham gia phiên tòa cũng không có văn bản trình bày ý kiến về việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T2. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu T1, cháu T2 theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T1 của anh T và giao cháu T2 cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, nên giao con chung tên Trần Thành T1, sinh ngày 21/12/2015 cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc; Trần Ngọc T2, sinh ngày 12/11/2018 cho chị C được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con đối với cháu T1 và anh cũng không cấp dưỡng nuôi con đối với cháu T2. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị C cũng không có văn bản thể hiện ý kiến

về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử nhận thấy chị C chưa phải cấp dưỡng nuôi cháu T1, anh T chưa phải cấp dưỡng nuôi cháu T2 do anh T, chị C chưa có yêu cầu là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu giải quyết và chị C cũng không có văn bản thể hiện ý kiến về việc này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về án phí: Anh T có yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2.5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần Anh T, cho anh T được ly hôn với chị Nguyễn Ngọc C.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Thành T1, sinh ngày 21/12/2015 cho anh Trần Anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Giao con chung tên Trần Ngọc T2, sinh ngày 12/11/2018 cho chị Nguyễn Ngọc C trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Trần Anh T, chị Nguyễn Ngọc C không phải cấp dưỡng nuôi con do chưa có yêu cầu.

Người trực tiếp nuôi dưỡng con chung cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Anh Trần Anh T phải chịu 300.000 *(Ba trăm ngàn đồng)* đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000

(Ba trăm ngàn đồng) đồng theo biên lai thu số 0028747 ngày 17/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông nên xem như anh T đã nộp đủ án phí.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND H.GCĐ;
- CC.THADS H.GCĐ;
- UBND phường 1, Tp. Tân An;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Lê Ngọc Duy Linh